| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN QUẢNG NINH**<br>**TỈNH QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 54/2018/QĐST-HNGĐ | *Quảng Ninh, ngày 05 tháng 10 năm 2018* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 84/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2018, giữa:

Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1997;
Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình;
Anh Phùng Thế D, sinh năm 1997;
Địa chỉ: Thôn V, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 9 năm 2018.

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 9 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾ T ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Phùng Thế D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị H và anh Phùng Thế D thống nhất, thỏa thuận: Có 01 con chung tên là Phùng Bảo N, sinh ngày 16-01-2017, giao con cho chị H trực triếp chăm sóc nuôi dưỡng; anh D chưa có điều kiện nên chưa phải cấp dưỡng nuôi con, việc nuôi con sẽ được hai bên giải quyết khi cần thiết. Các bên có nghĩa vụ, quyền về thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn theo pháp luật quy định, không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung:* Chị Nguyễn Thị H và anh Phùng Thế D thống nhất vợ chồng không có tài sản chung; không nợ ai và không cho ai vay nợ nên không

yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 7 Điều Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị Nguyễn Thị H và anh Phùng Thế D, mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Hai bên thỏa thuận: Chị H chịu toàn bộ án phí ly hôn là 150.000 đồng, thay cho anh D.

Số tiền án phí chị H phải nộp được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số: AA/2017/0004643 ngày 25 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Chị H được nhận lại 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND huyện Q.Ninh;
- UBND xã H;
- Chi cục THADS huyện Q;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**
*(Đã ký)*

**Nguyễn Mậu Đảo**

***Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:***

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tuỳ theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).